

QUAN HỆ QUỐC TẾ

QUAN HỆ CỦA VƯƠNG QUỐC RYUKYU VỚI ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XVI-XVIII QUA MỘT SỐ NGUỒN TƯ LIỆU

TS. NGUYỄN VĂN KIM

Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

I. Là một vương quốc hợp tụ bởi 5 nhóm đảo chính nằm ở miền nam Nhật Bản và phía đông của lục địa Trung Hoa, từ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV cùng với quá trình thống nhất đất nước, Ryukyu (Luu Cầu) đã sớm phát triển ngoại thương và trở thành trung tâm kinh tế quan trọng giữa hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong khoảng 2 thế kỷ, Ryukyu đã xác lập được mối quan hệ tương đối mật thiết với nhiều quốc gia châu Á. Đối với Trung Quốc và Nhật Bản, triều đình Shuri vừa thiết lập mối bang giao thân thuộc vừa tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của hai nước này để khai thác tiềm năng kinh tế, phát triển thương mại với Đông Nam Á.

Trong những nguồn tư liệu viết về quan hệ quốc tế của Ryukyu, cùng với các nhật ký, ghi chép của người Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh⁽¹⁾... cũng còn một nguồn tài liệu văn bản khá phong phú bằng Hán ngữ, Nhật ngữ. Trong những nguồn tư liệu đó, bộ *Lịch đại bảo án* (*Rekidai hoan* hay *Li-tai pao-an*) do chính các sử gia, trí thức Nho giáo từng sống, phục vụ ở triều đình Ryukyu biên soạn từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX là có giá trị nghiên cứu lớn nhất.

Rekidai hoan đã viết về 443 năm lịch sử ngoại giao của Ryukyu từ năm 1425 đến khi chính quyền phong kiến Tokugawa sụp đổ vào năm 1867. Bộ sách không chỉ cung cấp những thông tin hết sức phong phú về đời sống kinh tế, xã hội của vương quốc Ryukyu trong lịch sử mà thông qua việc phân tích các tư liệu giá trị đó chúng ta cũng có được những nhận thức khá toàn diện về hoạt động ngoại giao, thương mại của nước này thời kỳ trung và cận thế. *Rekidai hoan*

đã ghi lại nội dung các văn bản, mà thực tế là văn thư trao đổi, giữa Ryukyu với chính quyền các quốc gia Đông Nam Á. Nhìn chung, các văn bản ngoại giao đó đã chứa đựng những thông tin sinh động và cụ thể về thời gian viết quốc thư, mục đích của từng chuyến đi, số người tham gia trong mỗi hải trình, địa vị, thành phần của phái bộ, số lượng và loại quà tặng cùng nhiều dữ liệu lịch sử khác...

Vì những giá trị đặc biệt đó, năm 1962-1963, Viện Nghiên cứu Phát triển thuộc Trung tâm Đông - Tây, Honolulu, Hawaii (Hoa Kỳ) đã tổ chức biên soạn, dịch *Rekidai hoan* sang Anh ngữ và xuất bản thành sách dưới tiêu đề: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*. Cuốn sách đã dịch và chú giải 127 tư liệu được viết trong các tập 39 đến 42 và phần lớn tập 43 của bộ *Rekidai hoan*. Cũng trong công trình này, từ trang 6 đến 153 của phần phụ lục tác giả cũng cho in lại toàn văn thư trao đổi giữa chính quyền Ryukyu với các nước Đông Nam Á bằng Hán ngữ. Những số liệu và phân tích trong bài viết này chủ yếu là dựa vào công trình của Atsushi Kobata và Mitsugu Matsuda do Trung tâm Đông - Tây xuất bản năm 1969⁽²⁾.

Năm 1509, *Rekidai hoan* đã ghi lại sự kiện vua *Chuzan* (Trung Sơn)⁽³⁾ của vương quốc Ryukyu đã phái chánh sứ, Chánh nghị đại phu *Tei Kyu*; phó sứ *Masakai* cùng thông dịch viên *Tei Ko* dẫn đầu một sứ đoàn gồm 130 người đến *An Nam* và đem theo một bức quốc thư. Đây là một tư liệu hiếm, rất có giá trị viết về quan hệ Ryukyu - Đại Việt trong lịch sử. Vì lẽ đó, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu và trình bày một số suy

nghĩ về nội dung của văn bản này⁽⁴⁾. Bức thư có nội dung như sau:

"Vua của Trung Sơn, vương quốc Ryukyu, để bày tỏ sự tôn kính và biết ơn, phái cử một sứ đoàn do chánh sứ, Chánh nghị đại phu Tei Kyu (Trịnh Cửu), phó sứ Masakai (Mã Sa Giai), thông dịch viên Tei Ko (Trịnh Hạo) cùng những người khác được chính thức cử sang (quý quốc) trên một hải thuyền mang hiệu Hsin (chữ Tín), chở theo 10.000 cân lưu huỳnh, 1 bộ áo giáp sắt có bản mạ đồng kết bằng những tấm da thuộc bản nhỏ màu xanh, 2 thanh kiếm ngắn có vỏ bằng sơn mài đen cán nổi rồng vàng, 6 thanh kiếm ngắn có chuôi nạm vàng, 2 thanh kiếm dài có vỏ bằng sơn mài đỏ nạm vàng và ngọc, 2 cây thương có cán sơn mài màu đen, nạm vàng và ngọc, 4 cây cung bằng gỗ dâu, 120 mũi tên gắn lông chim ưng có mũi dát vàng, 100 súc vải lanh địa phương nhiều màu khác nhau và 2.000 cân sắt thô.

Tất cả những vật đó là để tặng Đức vua vạn tuế của vương quốc An Nam nhằm bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi. Ngoài ra, không có văn thư nào đặc biệt để có thể bày tỏ nhưng (quý quốc) có thể tin tưởng vào thành viên phái bộ, duy chỉ có điều còn e ngại rằng họ có thể gặp những trở ngại và sự bất tiện vì bị khám xét, cản trở của những nhà chức trách trên đường đi. Vì vậy, triều đình chúng tôi cấp một chấp chiếu có ấn mang nửa chữ Hsuan (Huyền) và nửa số hiệu 176 cho chánh sứ Tei Kyu lưu giữ cùng với những người khác khi thực hiện sứ mệnh của mình. Nếu như có sự kiểm tra của các viên chức trên đường đi hoặc khi sứ đoàn ghé vào các bến cảng, kính mong các nhà chức trách miễn trừ và cho phép đi ngay không chậm trễ. Giấy chứng thực này được cấp cho sứ bộ.

Chúng tôi xác nhận thành viên của phái bộ như sau:

Chánh sứ, Chánh nghị đại phu: Tei Kyu (Trịnh Cửu)

Hai quan phó sứ: Masakai (Mã Sa Giai) và Ryo Ki (Lương Quy)

Một chánh thông dịch viên: Tei Ko (Trịnh Hạo)

Một phó thông dịch viên: Ryu Shun (Lương Tuấn)

Thuyền trưởng: Ushi (Ô Thị)

Hoa tiêu: Ko Gi (Cao Nghĩa)

Tổng số thành viên phái bộ: 130 người

Chính Đức năm thứ tư, ngày 10 tháng 9 (tức ngày 20-11-1509)

Giấy chứng thực này cấp cho chánh sứ, Chánh nghị đại phu Tei Kyu, thông dịch viên Tei Ko và các thành viên khác.

Xác nhận....

1. Về mục đích của chuyến đi:

Trong công trình của mình, Atsushi Kobata và Mitsugu Matsuda đã cho rằng chuyến đi đến Đại Việt năm 1509 của phái bộ Ryukyu là không bình thường. Thê thức và quà tặng cũng có nhiều khác biệt so với thông lệ bang giao giữa Ryukyu với các nước khác ở Đông Nam Á. Theo các tác giả, mục đích chủ yếu của chuyến đi chắc hẳn là để bày tỏ sự biết ơn trước thiên chí hay giúp đỡ nào đó của triều đình nhà Lê đã diễn ra từ trước. Cùng chung quan điểm đó, hai chuyên gia Nhật Bản khác là Wada Hashinori và Kin Seiki cũng đồng nhất ý kiến về mục đích của phái bộ Ryukyu đến nước ta năm 1509 là nhằm để cảm ơn vì đã cứu giúp thủy thủ đoàn, sửa chữa tàu đắm hoặc giả chính quyền An Nam đã tạo điều kiện cho việc buôn bán⁽⁵⁾. Cùng chia sẻ với suy nghĩ đó, trong bài viết *Một văn thư Vương quốc Lưu Cầu gửi sang Việt Nam vào đầu thế kỷ XVI*, tác giả Vĩnh Sinh cũng khẳng định: "Việc thuyền nước Lưu Cầu trôi giạt vào bờ biển Việt Nam trên thực tế đã xảy ra khoảng vào năm 1478" và "Trước khi Lưu Cầu chính thức gửi thuyền chở tặng phẩm sang cảm ơn vào tháng 11 năm 1509, chắc hẳn thuyền nước họ đã trôi giạt vào bờ biển Việt Nam và đã được nhà đương cục Việt Nam lúc bấy giờ giúp đỡ"⁽⁶⁾.

Trong điều kiện hàng hải thời bấy giờ, đặc biệt là với những chuyến đi biển xa, mặc dù đã phải hoạt động theo chu kỳ của gió mùa và thường xuyên sử dụng đội ngũ những người đi biển giàu kinh nghiệm nhưng thuyền của các sứ đoàn và thuyền buôn vẫn luôn gặp nạn. Do vậy, những ý kiến mà các nhà nghiên cứu nêu ra trên đây là có sức thuyết phục. Nhưng, để có thể đi đến một nhận định xác thực hơn nữa về mục đích của chuyến đi, chúng ta cũng cần phải tìm thêm những chứng cứ lịch sử khác. Điều

may mắn là, trong văn bản số 10, mục 39 của cuốn *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, cũng đã công bố một bức thư của Lo-hsi-ma-na (Lassamane), được suy tôn là “Đô đốc của biển cả” đồng thời là nhân vật rất có thể lục ở Malacca thời đó. Ông đã gửi thư cho quốc vương Ryukyu, bức thư viết: “Chúng tôi được biết một trong những thuyền của quý quốc đã phải cập vào bờ biển của Giao Chỉ (Chiao-chih) vì cần nước ngọt nên những người trên thuyền buộc phải giao chiến đẫm máu với cư dân ở đây. Khi biết tin trên, tôi đã cử một phái bộ đi trên chiếc thuyền nhỏ đến vùng đất Chiêm Thành, tiến hành công việc tìm kiếm nhưng cuối cùng chỉ tìm được hai người và một người đã qua đời vì mắc bệnh đã lâu”⁽⁷⁾. Bức thư được viết ngày 11-4-1480.

Qua nghiên cứu *Hoàng Minh thực lục*, trong khi chú giải về tư liệu trên, hai tác giả A.Kobata và M.Matsuda đã dẫn thêm bằng chứng về một sự kiện diễn ra vào khoảng năm 1478. Vào thời gian đó, Lê Hạo tức Lê Thánh Tông (1460-1497) đã phái sứ giả mang biểu sang triều đình Bắc Kinh để giải thích về việc đưa quân đến Chiêm Thành: “Người cầm đầu Chiêm Thành là Po-lung-a-ma vốn vẫn có thái độ bất hoà với An Nam, đã bắt giữ những người Lưu Cầu và đưa họ sang xâm lược An Nam nhưng quân đội Chiêm Thành đã bị lực lượng phòng vệ bờ biển của chúng tôi đánh bại”. Nghiên cứu so sánh nội dung của bức thư và tờ biểu, Vĩnh Sinh đã hoàn toàn có lý khi đưa ra nhận định: “điều rõ ràng nhất là Lassamane đã đứng về phía Chiêm Thành trong cuộc giao tranh Việt - Chiêm (điều này cũng dễ hiểu vì văn hoá và ngôn ngữ của người Mã Lai và người Chăm có liên hệ với nhau), và muốn tìm sự đồng tình của vua nước Lưu Cầu”⁽⁸⁾.

Tuy nhiên, những điều trình bày trên đây vẫn chỉ là những giả định khoa học. Nội dung của toàn bộ bức thư hoàn toàn không có những chi tiết liên quan đến công việc chữa thuyền, cứu giúp thủy thủ đoàn hay tạo điều kiện cho việc buôn bán. Câu mở đầu bức thư: “Vua của Trung Sơn, vương quốc Ryukyu, để bày tỏ sự tôn kính và biết ơn, phái cử một sứ đoàn do chánh sứ, chánh

ngự đại phu Tei Kyu...”, cũng như câu nhấn mạnh sau đó: “Tất cả những vật đó là để tặng Đức vua vạn tuế của vương quốc An Nam nhằm bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi” đều không có những nội dung như đã nêu trên. Về phương diện khoa học, chúng ta cũng không nên loại trừ khả năng những câu văn trên chỉ là thể thức ngoại giao mà thôi. Nghiên cứu các bức thư của quốc vương Ryukyu gửi tới Siam, Malacca và Java cụm từ: “để bày tỏ sự tôn kính và biết ơn” thường xuyên được sử dụng trong khi đó câu văn này không thấy thể hiện trong các văn bản gửi cho các nước Đông Nam Á khác. Điều chắc chắn là, lời lẽ, thể thức trong các văn bản ngoại giao phải được cân nhắc rất kỹ lưỡng. Mặc dù văn bản đó có thể không chứa đựng những thông tin cụ thể về nội dung quan hệ giữa hai nước nhưng nó cũng phần nào cho thấy mức độ của mối quan hệ đó được biểu đạt bằng thái độ khá rõ của Ryukyu đối với từng quốc gia. Rất có thể, nhận thấy tầm quan trọng của An Nam, Ryukyu đã cử một phái bộ cao cấp đến thiết lập quan hệ chính thức. Trong *Rekidai hoan* không thấy có thư phúc đáp của chính quyền nhà Lê nên mục đích của chuyến đi vẫn là vấn đề còn những tồn nghi.

2. Người nhận thư và tặng vật:

Bức thư gửi sang An Nam được viết vào năm thứ 33 đời vua Sho Shin (Thượng Chân). Nhà vua trị vì vương quốc Lưu Cầu trong 50 năm (1476-1526). Trong thời kỳ nắm quyền, ông đã thi hành một chính sách đối ngoại mềm dẻo nhưng cũng hết sức tích cực để vừa phát triển kinh tế, xã hội trong nước vừa tranh thủ môi trường chính trị khu vực có những thuận lợi nhất định để mở rộng hoạt động ngoại thương. Nhờ vậy, dưới thời vua Sho Shin, vương quốc Lưu Cầu đã trải qua một thời kỳ phát triển cực thịnh. Chỉ tính riêng quan hệ với Siam, từ năm 1509 đến 1526, ông đã 11 lần cử sứ đoàn ngoại giao đem quốc thư sang triều đình Ayutthaya (Siam). Tuy nhiên, đối với An Nam chỉ có duy nhất một văn thư của ông được ghi nhận.

Sau khi đến An Nam, dẫn lại ý kiến của Wada Hashinori, tác giả Kin Seiki cũng tỏ ý đồng tình khi viết rằng phái bộ do đại thần Tei Kyu dẫn đầu đã đem thư và tặng vật

trình lên “*Vạn thọ đại vương*”. Hai nhà nghiên cứu Nhật Bản đoán định rằng đó là vua Lê Uy Mục (1505-1509). Về điểm này, Vinh Sính cũng cho rằng vào thời gian viết thư, tức ngày 20-11-1509, Lê Uy Mục còn đang ở ngôi nhưng tác giả cũng bày tỏ sự băn khoăn: “Trong các sách sử Việt Nam, không thấy nói vua Lê Uy Mục dùng danh hiệu “*Vạn thọ đại vương*” hay “*Vạn thọ vương*” hoặc có một nhân vật nào khác tương xứng hay làm xứng như thế... Tra cứu các sách địa dư chúng tôi cũng không thấy có phủ hay huyện nào có tên là Vạn thọ cả. Tên Vạn thọ chỉ thấy xuất hiện là tên một điện ở cung thành Đông Quan vào thời Lê mà thôi”⁽⁹⁾.

Căn cứ vào nội dung của bức thư có thể cho rằng chính quyền Ryukyu muốn gửi văn thư và quà biếu nói trên cho người đứng đầu triều Lê lúc đó là Lê Uy Mục. Nhưng, theo chúng tôi, người thực sự tiếp nhận bức quốc thư đó chắc chắn không phải là ông mà hẳn là Lê Tương Dực (1509-1516). Vì rằng, bức thư được viết vào ngày 20-11-1509, thời vua Sho Shin trong khi đó, ngày 1-12 năm ấy, “Vua quý” Lê Uy Mục đã bị bức hại. Nếu tất cả những thông tin trên là chính xác và lịch pháp của Ryukyu tương hợp với niên lịch của Đại Việt thì khoảng thời gian từ ngày 20-11 đến ngày 1-12-1509, chưa kể thời gian chờ làm thủ tục hải quan, không đủ cho đoàn thuyền Ryukyu có thể thực hiện hải trình đến *An Nam* trong khi đó ngày 4-12-1509, Lê Tương Dực đã lên ngôi hoàng đế⁽¹⁰⁾.

Khi tra cứu các sách niên biểu lịch sử Việt Nam chúng tôi cũng không thấy ai có danh hiệu “*Vạn thọ đại vương*”. Vấn đề cần bàn thêm là ở chỗ cụm từ “*Vạn thọ đại vương*” mà các tác giả A. Kobata và M.Matsuda dịch sang Anh ngữ là “*Majesty the King of Country of ...*” cũng được sử dụng nhiều lần trong các bức thư gửi đến một số quốc gia khác ở Đông Nam Á như Siam, Malacca... Điều đáng chú ý là, trong các văn thư của một số nước khu vực phức tạp quốc vương Ryukyu, chính quyền các nước đó cũng sử dụng cụm từ tương tự như vậy. Thêm vào đó, trong phần chú giải tên vua các nước, hai tác giả A. Kobata và M.Matsuda cũng không đưa “*Vạn thọ đại*

wương” vào danh mục tên riêng. Do vậy, theo thiên ý của chúng tôi, cụm từ mà một số người dịch là: “*Vạn thọ đại vương*” hay “*Vạn thọ đại vương điện hạ của nước An Nam*” trên thực tế có lẽ chỉ hàm ý: “*Đức vua vạn tuế*” hoặc cụ thể hơn: “*Đức vua An Nam vạn tuế*”. Đó chỉ là một cụm từ thể thức, nhằm biểu đạt lòng tôn kính đồng thời cũng thể hiện sự mãn cảm chính trị của triều đình Shuri trước những biến động thường xuyên diễn ra ở nước ta cũng như một số vương triều Đông Nam Á thời bấy giờ.

Như vậy, người nhận thư và tặng vật của quốc vương Ryukyu năm 1509 phải là Lê Tương Dực hay một đại diện nào đó mà triều đình nhà Lê cử ra. Và, thời điểm diễn ra sự kiện ngoại giao nói trên là vào thời Lê (đầu thế kỷ XVI) chứ không phải thời Lý - Trần như một số tác giả đã lầm tưởng. Nhận định đó là hoàn toàn có cơ sở vì rằng vào thời Lý (1010-1225) và đầu thời Trần (1225-1400), Ryukyu đang trong quá trình lập quốc nên rất khó có khả năng nước này đã có quan hệ nào đó với Đại Việt.

3. Về quà tặng của Ryukyu:

Trong thư gửi vua *An Nam*, quốc vương Ryukyu đã biếu triều đình nhà Lê: 10.000 cân lưu huỳnh, 2.000 cân sắt thô và nhiều loại vũ khí khác. Phân tích số tặng vật của Ryukyu chuyển tặng các nước Đông Nam Á trong so sánh với những loại quà biếu gửi sang nước ta, chúng ta thấy những món quà đem theo có nhiều sự khác biệt. Nhận xét về chuyến đi của sứ bộ Ryukyu đến *An Nam*, hai tác giả A. Kobata và M.Matsuda viết: “Do thiếu những chứng cứ xác thực, chúng ta không thể khẳng định lý do gì đã thúc đẩy người Ryukyu cử quan lại cao cấp đem theo những tặng vật khác lạ đến *An Nam*. Nhưng dù sao cũng có thể cho rằng, hẳn là đã có sự liên hệ nào đó giữa hai nước trước chuyến đi này. Qua đó, chúng ta cũng hiểu được tình hình của *An Nam*... và có thể là sau thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XVI, Ryukyu và *An Nam* không còn quan hệ nào nữa”⁽¹¹⁾.

Trước hết, về tặng phẩm *An Nam* là một trong số rất ít quốc gia ở Đông Nam Á được Ryukyu gửi biếu lưu huỳnh. Ngoài nước ta, Siam cũng thường được triều đình Shuri tặng mặt hàng chiến lược này nhưng mức

độ cũng chỉ ở mức 2.500 đến 3.000 cân/chuyến. Từ đó, chúng ta càng có thêm cơ sở để tin rằng, vào thế kỷ XVI-XVII, nhằm tăng cường sức mạnh quân sự, các chính quyền phong kiến Việt Nam đã cho nhập về một khối lượng lớn lưu huỳnh và diêm tiêu làm thuốc súng. Cùng với lưu huỳnh, *An Nam* còn được tặng sắt. Lượng sắt mà quốc vương Ryukyu gửi biểu vua Lê khá lớn và đây cũng là loại nguyên liệu hết sức cần thiết để chế tạo vũ khí. Điều đặc biệt là, ở Đông Nam Á, chỉ có *An Nam* là được triều đình Shuri gửi biểu loại nguyên liệu này. Ngoài lưu huỳnh và sắt, chính quyền nhà Lê cũng được tặng một số lượng và chủng loại vũ khí lớn nhất trong một chuyến đi. Số vũ khí bao gồm 7 loại, riêng kiếm có tới 3 loại. Theo chúng tôi, “những tặng vật là vũ khí chủ yếu chỉ mang ý nghĩa biểu trưng về danh vọng và quyền lực hơn là những chức năng sử dụng đích thực của chúng”⁽¹²⁾. Và chính quyền Ryukyu, được thể hiện qua quà biểu, dường như đã nắm bắt đúng tâm lý muốn đề cao danh vọng và quyền lực của triều đình phong kiến Lê - Trịnh thời bấy giờ.

Nhằm thắt chặt quan hệ bang giao với Đông Nam Á, các sứ thuyền Ryukyu đã đem theo nhiều vật phẩm có giá trị, đặc thù của Đông Bắc Á như tơ lụa, gốm sứ... để biểu chính quyền các nước sở tại. Trong những năm có quan hệ chính thức với Đông Nam Á, Ryukyu đã biểu triều đình Ayutthaya 63.340 hiện vật gốm sứ, trong đó Malacca: 19.000, Java: 10.000, Sumatra: 7.260. Như vậy, chỉ riêng gốm sứ để biểu các nước trên đã bao gồm 1.140 bình men ngọc to, 16.440 bình men ngọc nhỏ và 80.020 bát men ngọc. Cùng với Palembang và Patani, gốm sứ cũng không thấy trong danh mục quà tặng *An Nam*. Có thể cho rằng, vào thế kỷ XV-XVI, Đại Việt cũng là một trung tâm sản xuất gốm sứ lớn, lại gần kề với khu vực thương mại miền nam Trung Quốc nên Ryukyu đã chủ động loại bỏ gốm sứ ra khỏi danh mục các sản phẩm biểu tặng. Từ đó cũng có thể đặt ra khả năng, trong những lần ghé qua các thương cảng miền bắc Việt Nam, sứ thuyền và thuyền buôn Ryukyu còn đem theo nhiều gốm sứ của Đại Việt về nước thậm chí dùng làm

thương phẩm trao đổi với các quốc gia trong khu vực.

4. Thành viên của phái bộ:

Dựa trên kết quả khảo cứu văn bản, chúng ta thấy số lượng thành viên sứ đoàn được cử đến nước ta năm 1509 không thuộc loại lớn nhưng là *cao cấp nhất* trong tất cả những phái bộ mà Ryukyu cử đến Đông Nam Á.

Nếu so sánh, trong các văn bản gửi cho triều đình và chính quyền Đông Nam Á, Ryukyu chủ yếu chỉ nêu tên của chánh, phó phái bộ, phiên dịch viên hoặc hoa tiêu nhưng không nói đến địa vị hay phẩm hàm của người chịu trách nhiệm cao nhất. Nhưng, trong chấp chiếu gửi đến *An Nam* thì địa vị của viên chánh sứ *Tei Kyu* được nhấn mạnh ngay từ phần đầu của bức thư. Theo nhận thức của chúng tôi, hình thức biểu đạt đó không phải là nhằm đề cao viên chánh sứ mà chính là để bày tỏ sự tôn kính đối với vua Lê bằng việc cử một sứ đoàn cao cấp do một chánh nghị đại phu dẫn đầu. Đây là trường hợp duy nhất mà địa vị của chánh sứ được nhấn mạnh trong quốc thư gửi đến chính quyền các nước Đông Nam Á. Căn cứ vào *Rekidai hoan*, *Tei Kyu* cũng chỉ giữ vai trò chánh sứ trong chuyến đi duy nhất đến *An Nam* và sau đó kết hợp đến Siam cũng vào năm 1509.

Về số lượng thành viên của phái bộ, nếu so sánh với 22 chuyến đi của các đoàn “*Mậu dịch triều cống*” của Ryukyu đến Siam trong thời gian 1509-1570 chúng ta thấy tính trung bình mỗi chuyến có 161 người. Năm cao nhất, năm 1512 là 232 người và năm thấp nhất năm 1517 cũng có 112 người. Chuyến đi của sứ đoàn Ryukyu đến *An Nam* năm 1509 là 130 người. Trong khi có thể còn những hoài nghi nhất định về khả năng bức thư và số tặng vật của triều đình Shuri có đến được tay người nhận hay không thì chúng ta vẫn có cơ sở để tin rằng phái bộ của Ryukyu đến Đại Việt rồi sau đó kết hợp đến Siam đã trở về nước an toàn. Bằng chứng là, sau chuyến đi đến *An Nam* năm 1509, một số thành viên quan trọng như thuyền trưởng *Ko Gi* và thông dịch viên *Tei Ko* vẫn đã tiếp tục đến Patani vào năm 1515 và bản thân *Tei Ko* sau đó đã trở lại Siam năm 1518.

5. Phải chăng thuyền Ryukyu chỉ đến An Nam một lần?

Các chuyên gia Nhật Bản như A. Kobata, M.Matsuda, Kin Seiki... đều cho rằng trước năm 1509, hai nước Đại Việt và Ryukyu có thể đã từng có những quan hệ nhất định. Trong công trình *Okinawa - Lịch sử của một cư dân đảo quốc*, Goerge H.Kerr còn đưa ra một mốc niên đại cụ thể. Theo tác giả, từ năm 1372, trong chuyến đi triều cống đầu tiên của Chuzan (Trung Sơn) sang Trung Quốc, sứ đoàn Ryukyu đã gặp đại diện từ hơn 50 nước châu Á trong đó có: Java, Malacca, Ceylon... Trong thời gian đó, nhiều khả năng "lần đầu tiên, Ryukyu đã thiết lập quan hệ thân thuộc trên danh nghĩa với Triều Tiên, An Nam và một năm sau là với Champa"⁽¹³⁾.

Nhận định của các học giả trên đây có nhiều sức thuyết phục vì rằng lãnh thổ Việt Nam nằm trên hệ thống giao lưu, buôn bán Bắc - Nam, nối liền giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Trong điều kiện đi biển thời bấy giờ, các đoàn thuyền Ryukyu đã dựa theo tuyến thương mại ven bờ lục địa châu Á chứ chưa có khả năng vươn ra tuyến hàng hải nằm ngoài Biển Đông. Phải chăng đây cũng là nguyên nhân lý giải cho hiện tượng trong *Rekidai hoan* không có sự kiện nào về quan hệ giữa Ryukyu với Lữ Tống (tức Luzon, Philippines) được ghi nhận.

Trên hệ thống giao thương truyền thống đó, trong suốt khoảng hai thế kỷ, các đoàn thuyền Ryukyu hẳn là đã qua lại khá thường xuyên nhiều thương cảng của Đông Nam Á. Thông thường, thuyền Ryukyu đến cất hàng ở một số hải cảng miền Nam Trung Quốc rồi từ đó tiến xuống Đại Việt, Campuchia, Siam, Malacca... Nhiều khả năng các đoàn thuyền đó cũng đã dừng lại hay ghé vào hải phận của nước ta như khu vực thương cảng Vân Đồn (Quảng Ninh) và một số cảng vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh như: Lạch Trường, Biện Sơn, Hội Thống, Phục Lễ, Kỳ Anh... để cất thêm hàng hoá, lấy nước ngọt hoặc tránh bão⁽¹⁴⁾. Trên cơ sở các phát hiện khảo cổ học ở cả Ryukyu và Việt Nam, có thể khẳng định rằng quan hệ thực tế giữa vương quốc này với Đại Việt nói riêng và các nước trong khu vực nói chung chắc hẳn là phong phú hơn nhiều so với những ghi

chép trong *Rekidai hoan* và một số nguồn sử liệu khác.

Phân tích ngôn từ của bức thư và số quẻ biểu của quốc vương Ryukyu chúng ta cũng có thêm bằng chứng để kết luận rằng triều đình Shuri khá thông hiểu về tình hình chính trị, xã hội Đại Việt thời bấy giờ. Số tặng vật mà Ryukyu biếu vua Lê chắc hẳn là để đáp ứng nhu cầu bức thiết của chính quyền phong kiến nhằm để trấn áp các thế lực chống đối. Thêm vào đó, nội dung của bức thư cũng nhiều lần nhấn mạnh đến chế độ hải quan chặt chẽ của chính quyền Lê - Trịnh. Hơn thế nữa, mặc dù *Rekidai hoan* chỉ có một văn bản ngoại giao duy nhất gửi đến An Nam nhưng triều đình phong kiến nước ta đã nhận được sự tôn trọng đặc biệt của quốc vương Ryukyu. Như đã trình bày ở trên, nguyên nhân dẫn đến thái độ trọng thị đó cần phải được tiếp tục làm sáng tỏ nhưng qua ngôn từ biếu đạt cũng có thể khẳng định rằng từ trước năm 1509, trong quá trình xác lập và mở rộng quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á, Ryukyu đã có quan hệ và hiểu biết sâu sắc về Đại Việt.

Theo *Rekidai hoan*, trong thời gian từ 1425-1570, triều đình Shuri đã cử 53 chuyến thuyền đến Siam, 11 chuyến đến Malacca (1463-1511), 8 chuyến đến Patani (1515-1543), 8 chuyến đến Palembang (1428-1440), 3 chuyến đến Sumatra (1463-67-68), 2 chuyến đến Sunda-Karapa (1515-1518) và chỉ có duy nhất 1 chuyến thuyền đến An Nam vào năm 1509. Tuy nhiên, các bộ sử Trung Quốc như *Minh sử* hay *Hoàng Minh thực lục*... lại cho thấy những thông tin khác biệt. Theo *Minh sử*, Ryukyu đã cử 171 thuyền buôn sang Trung Quốc, 89 thuyền đến An Nam, 37 thuyền đến Java và 19 thuyền đến Nhật Bản. Nếu thông tin trên là xác thực thì số thuyền của Ryukyu đến An Nam chỉ đứng thứ hai so với Trung Quốc, nước có tiềm năng ngoại thương lớn nhất châu Á⁽¹⁵⁾.

Hiện nay, tại Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ tỉnh Okinawa, Bảo tàng thành Shuri, thành Nakijin, Katsuren cũng như một số di tích và cơ sở nghiên cứu khác ở tỉnh này đã và đang lưu giữ một số lượng đáng kể hiện vật gốm sứ hoa lam của Đại Việt có niên đại thế kỷ XV-XVI⁽¹⁶⁾. Nhiều

hiện vật được chế tạo rất công phu, mang tính thẩm mỹ cao. Qua so sánh, số hiện vật tìm thấy ở Okinawa có nhiều đặc tính giống như sản phẩm của các lò gốm cổ Chu Đậu, Phúc Lão và có thể cả Bát Tràng... về cả hoa văn, màu nền cũng như kỹ thuật chế tác⁽¹⁷⁾. Như vậy, những ghi chép trong *Minh sử* phải được coi là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị.

Cũng cần phải nói thêm rằng, bằng chứng về sự giao lưu Ryukyu - Đại Việt không chỉ được phát hiện ở miền Bắc. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh hiện vẫn đang lưu giữ một bộ sưu tập tiền cổ rất giá trị. Trong đó, một số đồng tiền có nguồn gốc từ Nhật Bản. Khi xem xét, chúng tôi đặc biệt chú ý đến một đồng tiền được xác định chắc chắn liên quan đến Ryukyu. Đồng tiền có 4 chữ: *Ryukyu tsu ho* (*Lưu Cầu thông bảo*) ở mặt trước và phía sau là *Đương Bách*. Đồng tiền này được đúc bằng nguyên liệu đồng, hình oval và có kích thước khá lớn: 5cm x 3,2cm. Theo giám định của một số chuyên gia, đồng tiền có thể là do chính quyền Nhật Bản đúc rồi sau đó đã được Ryukyu lưu hành trong các hoạt động kinh tế vào thế kỷ XVI. Hồ sơ lưu trữ tại Bảo tàng cho thấy các đồng tiền đó đều được phát hiện tại Côn Đảo, một *cảng đảo* có vị trí hết sức quan trọng trong các hoạt động ngoại thương của Đàng Trong thế kỷ XVI-XVIII⁽¹⁸⁾.

II. Ngoài bức thư và một số nguồn tư liệu lịch sử nêu ra trên đây tiếc rằng, các bộ chính sử của Việt Nam như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*... đều không ghi lại sự kiện phái bộ Ryukyu đến *An Nam* năm 1509 cũng như những sự giao lưu giữa hai nước có thể diễn ra trước hoặc sau đó. Tuy nhiên, sau khi đến Đại Việt năm 1509, nhiều khả năng Ryukyu đã không cử phái bộ chính thức đến *An Nam* nữa. Cùng với những tác động quốc tế thì tình hình chính trị hết sức phức tạp của nước ta giai đoạn đầu thế kỷ XVI cũng không thuận lợi cho việc duy trì và mở rộng quan hệ bang giao. Trong thế cục triều chính suy bại, thế nước rối loạn và suy yếu, “bọn hoạn quan thọc vào chính sự, kẻ ngoại thích mặc sức chuyên quyền, pháp lệnh phiền hà, kỷ cương rối loạn”⁽¹⁹⁾, giới lãnh

đạo phong kiến đã tự co mình lại để bảo vệ ngôi báu cùng những đặc quyền cố hữu. Dù các thông tin liên quan đến bang giao quốc tế rất hiếm khi được ghi lại trong chính sử nhưng vào thời gian đó, Đại Việt sử ký toàn thư cũng viết về một sự kiện: Ngày 26-4-1510, “Cục Mông nước Ai Lao sai sứ đến Nghệ An đệ bản tâu chạy trạm xin nộp cống quy phụ. Vua xuống chiếu khước từ, vì mới lấy được nước sợ họ nhòm ngó nước ta”⁽²⁰⁾. *Ghi chép đó trong chính sử có thể coi là sự thể hiện quan điểm chung nhất của chính quyền phong kiến Việt Nam đối với vấn đề quan hệ quốc tế thời bấy giờ*⁽²¹⁾.

Sau một thời kỳ rối loạn, đến năm 1527 nhà Lê đã để mất quyền lực chính trị vào tay An Hưng Vương Mạc Đăng Dung (1483-1541). Trong thời gian cầm quyền của nhà Mạc (1527-1592), quan hệ giữa hai nước diễn ra như thế nào chúng ta không thật rõ nhưng giờ đây nhìn lại có thể thấy đây là thời kỳ có nhiều khai mở trong quan hệ ngoại thương. Bên cạnh việc tiếp tục duy trì hoạt động của một số cảng biển, nhà Mạc đã khôi phục và thiết lập thêm nhiều cảng sông trong đó có cảng nằm sâu trong đất liền. Nghiên cứu các thương cảng miền Bắc Việt Nam đặc biệt là hệ thống cảng vùng đông bắc chúng ta có thể kết luận: Thế kỷ XVI-XVII là thời kỳ phát triển hưng thịnh trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Bằng chứng cho quan điểm đó là sự hiện diện của nhiều bãi sành, gồm sứ ken dày dọc theo nhiều bến sông và vụng biển mà dân gian vẫn quen gọi là “*sành Mạc*”. Đến năm 1592, sau khi giành lại được vương quyền, chính quyền Lê - Trịnh vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động ngoại thương với nhiều quốc gia khu vực và thế giới nhưng dấu tích về mối liên hệ với Ryukyu không thấy được ghi lại trong chính sử.

Sau những biến động chính trị thời Mạc, để tranh thủ quan hệ với Trung Quốc, nhà Lê đã chủ động cử sứ giả đến Bắc Kinh. Năm Quang Hưng thứ 20 (tức năm 1597), vua Lê Thế Tông (1573-1600) đã “Sai Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiên làm phó sứ sang tuế cống nhà Minh và cầu phong”⁽²²⁾. Năm đó, Phùng Khắc Khoan (1528-1613) ở tuổi 70 nhưng

vẫn được cử đi sứ và ông đã để lại nhiều giai thoại về tài năng ngoại giao cùng những tác phẩm thi ca nổi tiếng⁽²³⁾. Trong thời gian ở Bắc Kinh, lưu trú tại quán Ngọc Hà, Phùng Khắc Khoan đã chủ động giao tiếp với một số sứ thần Triều Tiên, Lưu Cầu... và đàm đạo văn chương với họ. Là một sứ thần có khí tiết hào hùng và tài năng văn chương, ông đã giành được sự cảm mến của nhiều quan lại nhà Minh và sứ giả “thuộc quốc”. Phùng Khắc Khoan đã có quan hệ mật thiết với Lý Tuý Quang, hiệu Chi Phong đạo nhân, chánh sứ đoàn Triều Tiên và tình cảm giữa hai nhà ngoại giao đã sớm đạt đến độ tri âm, tri kỷ. Trong một lần đàm đạo với sứ giả họ Phùng được Tuý Quang ghi lại, vị chánh sứ Triều Tiên tỏ ra khá thông hiểu về lịch sử và tình hình xã hội, kinh tế của Đại Việt. Về vị trí địa lý của nước ta Lý Tuý Quang đã hỏi và Phùng Khắc Khoan đã trả lời như sau:

- *LTQ: Quý quốc cách Vân Nam mấy dặm?*

- *PKK: Nước tôi tiếp biên giới Vân Nam nhưng cách nghìn trùng núi*

- *LTQ: Cách Lưu Cầu Nhật Bản mấy dặm?*

- *PKK: Cách biển, đường xa không thông thương được⁽²⁴⁾.*

Theo đó, có thể hiểu rằng đến cuối thế kỷ XVI, trong sự suy thoái chung của quan hệ ngoại thương giữa Ryukyu với Đông Nam Á, thuyền buôn nước này cũng không đến buôn bán với Đại Việt nữa. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng không loại trừ khả năng bản thân Phùng Khắc Khoan, dù là một người giữ nhiều trọng trách trong triều đình nhà Lê và có tâm kiến văn rộng rãi nhưng có thể ông cũng không thật thông hiểu hết những quan hệ ngoại thương của Đại Việt nhất là thời kỳ nhà Mạc cầm quyền.

Ngoài quan hệ với sứ đoàn Triều Tiên, Phùng Khắc Khoan còn có những liên hệ mật thiết với sứ bộ Lưu Cầu. Tình nghĩa gắn bó và cảm thông sâu sắc giữa ông với viên

chánh sứ Lưu Cầu được thể hiện rất rõ trong bài thơ “Đạt Lưu Cầu quốc sứ”⁽²⁵⁾:

Đạt Lưu Cầu quốc sứ

Nhật biểu hồng quang chiếu nhật ngưng

Hải thiên Nam tiếp hải thiên Đông

Sơn xuyên phong vực tụy vân dị

Lễ nhạc y quan thị tắc đồng

Ngẫu hợp dân duyên thiên lý ngoại

Tương kỳ ý khí lưỡng tình trung

Ta hồi huê mãn thiên hương tụy

Hoà khí huân vi vạn vũ đồng

Dịch nghĩa:

Tiền quốc sứ nước Lưu Cầu

Ngoài mặt trời lại, có tia nắng hồng chiếu nơi chân trời

Biển trời phương Nam tiếp nối biển trời phương Đông

Núi sông, phong vực hai nước tụy có khác nhau

Lễ nhạc, y phục vẫn có điểm tương đồng

Cùng là quan, vình cờ gặp nhau nơi ngàn dặm

Tình cảm, chí khí như đã được hẹn hò

Lần này trở về hương trời đầy tay áo

Tình thân nồng ấm như ngọn gió thổi tới muôn nơi.

Bước sang thế kỷ XVIII, để tiếp tục củng cố mối quan hệ với Trung Quốc, triều đình nhà Lê đã cử chánh sứ Trần Huy Mật và Lê Quý Đôn làm phó sứ sang Bắc Kinh triều cống. Tuy mới bước sang tuổi 34 nhưng Lê Quý Đôn (1726-1784) đã nổi tiếng là một sứ giả tài danh. Trong chuyến đi sứ năm 1760, ông đã cung cấp thêm cho chúng ta một số bằng chứng khác nữa về mối quan hệ giữa Lưu Cầu và Đại Việt. Tại Bắc Kinh, ông đã có nhiều dịp giao tiếp với các sứ thần lân quốc. Là một học giả, Lê Quý Đôn luôn ghi chép rất thận trọng và chi tiết những điều mà ông đã từng nghe và nhận thấy. Tuy nhiên, trong *Kiến văn tiểu lục* cũng không thấy có ghi chép cụ thể về Ryukyu trong khi đó những nước khác như: Trung Quốc, Siam, Chiêm Thành... được viết khá chi tiết. Tuy nhiên, trong tác phẩm này Lê Quý Đôn cũng đã 2 lần nhắc tới Ryukyu. Lần thứ nhất kể lại sự việc sứ thần Lê Hữu Kiều đi sứ sang Trung Quốc năm 1738 để chúc mừng vua Cao Tông nhà Thanh lên ngôi. Lúc đến Hội đồng quán ở Bắc Kinh, nơi sứ thần Lưu Cầu vừa lưu trú ở đó, ông

* Xem thêm: Lý Xuân Chung: *Về văn thơ xướng họa giữa Lý Chi Phong và Phùng Khắc Khoan*, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, Số 4(52)/2004, tr.51-52 (BBT)

vẫn được cử đi sứ và ông đã để lại nhiều giai thoại về tài năng ngoại giao cùng những tác phẩm thi ca nổi tiếng⁽²³⁾. Trong thời gian ở Bắc Kinh, lưu trú tại quán Ngọc Hà, Phùng Khắc Khoan đã chủ động giao tiếp với một số sứ thần Triều Tiên, Lưu Cầu... và đàm đạo văn chương với họ. Là một sứ thần có khí tiết hào hùng và tài năng văn chương, ông đã giành được sự cảm mến của nhiều quan lại nhà Minh và sứ giả “thuộc quốc”. Phùng Khắc Khoan đã có quan hệ mật thiết với Lý Tuý Quang, hiệu Chi Phong đạo nhân, chánh sứ đoàn Triều Tiên và tình cảm giữa hai nhà ngoại giao đã sớm đạt đến độ tri âm, tri kỷ*. Trong một lần đàm đạo với sứ giả họ Phùng được Tuý Quang ghi lại, vị chánh sứ Triều Tiên tỏ ra khá thông hiểu về lịch sử và tình hình xã hội, kinh tế của Đại Việt. Về vị trí địa lý của nước ta Lý Tuý Quang đã hỏi và Phùng Khắc Khoan đã trả lời như sau:

- LTQ: *Quý quốc cách Vân Nam mấy dặm?*

- PKK: *Nước tôi tiếp biên giới Vân Nam nhưng cách nghìn trùng núi*

- LTQ: *Cách Lưu Cầu Nhật Bản mấy dặm?*

- PKK: *Cách biển, đường xa không thông thương được⁽²⁴⁾.*

Theo đó, có thể hiểu rằng đến cuối thế kỷ XVI, trong sự suy thoái chung của quan hệ ngoại thương giữa Ryukyu với Đông Nam Á, thuyền buôn nước này cũng không đến buôn bán với Đại Việt nữa. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng không loại trừ khả năng bản thân Phùng Khắc Khoan, dù là một người giữ nhiều trọng trách trong triều đình nhà Lê và có tầm kiến văn rộng rãi nhưng có thể ông cũng không thật thông hiểu hết những quan hệ ngoại thương của Đại Việt nhất là thời kỳ nhà Mạc cầm quyền.

Ngoài quan hệ với sứ đoàn Triều Tiên, Phùng Khắc Khoan còn có những liên hệ mật thiết với sứ bộ Lưu Cầu. Tình nghĩa gắn bó và cảm thông sâu sắc giữa ông với viên

chánh sứ Lưu Cầu được thể hiện rất rõ trong bài thơ “*Đạt Lưu Cầu quốc sứ*”⁽²⁵⁾:

Đạt Lưu Cầu quốc sứ

Nhật biểu hồng quang chiếu nhật ngưng

Hải thiên Nam tiếp hải thiên Đông

Sơn xuyên phong vực tuy vân dị

Lễ nhạc y quan thị tắc đồng

Ngẫu hợp dân duyên thiên lý ngoại

Tương kỳ ý khí lưỡng tình trung

Ta hồi huế mãn thiên hương tụ

Hoà khí huân vi vạn vũ đồng

Dịch nghĩa:

Tiên quốc sứ nước Lưu Cầu

*Ngoài mặt trời lại, có tia nắng hồng
chiếu nơi chân trời*

*Biển trời phương Nam tiếp nối biển trời
phương Đông*

*Núi sông, phong vực hai nước tuy có
khác nhau*

*Lễ nhạc, y phục vẫn có điểm tương đồng
Cùng là quan, vình cờ gặp nhau nơi ngàn
dặm*

Tình cảm, chí khí như đã được hẹn hò

Lần này trở về hương trời đầy tay áo

*Tình thân nồng ấm như ngọn gió thổi tới
muôn nơi.*

Bước sang thế kỷ XVIII, để tiếp tục củng cố mối quan hệ với Trung Quốc, triều đình nhà Lê đã cử chánh sứ Trần Huy Mật và Lê Quý Đôn làm phó sứ sang Bắc Kinh triều cống. Tuy mới bước sang tuổi 34 nhưng Lê Quý Đôn (1726-1784) đã nổi tiếng là một sứ giả tài danh. Trong chuyến đi sứ năm 1760, ông đã cung cấp thêm cho chúng ta một số bằng chứng khác nữa về mối quan hệ giữa Lưu Cầu và Đại Việt. Tại Bắc Kinh, ông đã có nhiều dịp giao tiếp với các sứ thần lân quốc. Là một học giả, Lê Quý Đôn luôn ghi chép rất thận trọng và chi tiết những điều mà ông đã từng nghe và nhận thấy. Tuy nhiên, trong *Kiến văn tiểu lục* cũng không thấy có ghi chép cụ thể về Ryukyu trong khi đó những nước khác như: Trung Quốc, Siam, Chiêm Thành... được viết khá chi tiết. Tuy nhiên, trong tác phẩm này Lê Quý Đôn cũng đã 2 lần nhắc tới Ryukyu. Lần thứ nhất kể lại sự việc sứ thần Lê Hữu Kiều đi sứ sang Trung Quốc năm 1738 để chúc mừng vua Cao Tông nhà Thanh lên ngôi. Lúc đến Hội đồng quán ở Bắc Kinh, nơi sứ thần Lưu Cầu vừa lưu trú ở đó, ông

* Xem thêm: Lý Xuân Chung: *Về văn thơ xướng hoạ giữa Lý Chi Phong và Phùng Khắc Khoan*, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, Số 4(52)/2004, tr.51-52 (BBT)

bắt gặp một bài thơ của viên sứ giả Ryukyu trên tường “vết mực còn tươi mới, lời thơ cũng thanh thoát đáng khen”⁽²⁶⁾.

Trong chuyến đi sứ đó, Lê Quý Đôn cũng đã có dịp tiếp kiến hai Nho sinh của Ryukyu. Về sự kiện này ông viết: “Mùa đông năm canh thìn (1760), tôi đến Bắc Kinh, có cử nhân nước Lưu Cầu là Trịnh Hiếu Đức và Thái Thế Xương đến quán xin được tương kiến, hai người đều ngoài 20 tuổi, có vẻ thanh tú, nói là “mới đến Bắc Kinh vào học ở Quốc tử giám”, hỏi “đến đã bao lâu?” nói “đến từ mùa đông năm trước”, hỏi “có ứng thí ở Bắc Kinh không?” nói “khi học xong sẽ về nước ứng thí”⁽²⁷⁾. Trên thực tế, chế độ khoa cử ở Ryukyu rất khác biệt so với các quốc gia cùng chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa như Triều Tiên, Việt Nam. Chế độ này chỉ hạn chế cho con em các gia đình quý tộc, quan lại và một số gia tộc người Hoa có ảnh hưởng ở Lưu Cầu. Trong những lần sang tham quan và trao đổi tại Việt Nam, một số thành viên của *Hội hữu nghị Okinawa - Việt Nam* cũng cho biết ở tỉnh này, hiện vẫn còn một dòng họ Nguyễn có nhiều khả năng đã di cư từ Đại Việt đến. Dòng họ vẫn còn lưu được gia phả nhưng rất tiếc là gia phả không ghi rõ họ từ địa phương nào tới và đến Ryukyu sinh sống từ bao giờ⁽²⁸⁾. Có thể coi đây là một hướng tiếp cận nữa để hiểu thêm về quan hệ giao lưu giữa Lưu Cầu với nước ta trong lịch sử.

Đến những năm đầu của thế kỷ XX, nhà yêu nước Phan Bội Châu, người lãnh đạo phong trào Đông Du nổi tiếng đã viết tác phẩm *Lưu Cầu huyết lệ tân thư*. Nhưng trong tác phẩm này Lưu Cầu chỉ được nêu lên như một bài học để khuyến cáo và thức tỉnh tinh thần dân tộc của nhân dân ta chứ không phải là một công trình khảo cứu về vương quốc này. Và rồi sau đó, ở Việt Nam hầu như không có chuyên luận nào viết về lịch sử và nền văn hoá của cư dân đảo quốc này nữa.

Nhìn lại quan hệ giữa Việt Nam và Lưu Cầu trong lịch sử chúng ta thấy mối quan hệ này được bắt đầu khá sớm và có nhiều điểm đặc biệt. So với một số quốc gia ở Đông Nam Á, những điều viết về *An Nam* chỉ rất hy hữu trong *Rekidai hoan*. Tuy nhiên,

thông qua một số nguồn sử liệu khác có thể khẳng định rằng Ryukyu đã từng có quan hệ tương đối thường xuyên với nước ta vào khoảng thế kỷ XV-XVI. Hiện nay, chúng ta đã có nhiều điều kiện thuận lợi để tăng cường và mở rộng hợp tác nghiên cứu quốc tế. Mối quan hệ với vương quốc Ryukyu trong lịch sử là một chủ đề khoa học thú vị và cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu hơn nữa để từ đó có được những nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn về lịch sử bang giao của vương quốc này với Đại Việt nói riêng và các quốc gia Đông Nam Á nói chung. Ý nghĩa của chủ đề nghiên cứu còn ở chỗ, trước khi thuyền buôn *Châu ấn (Shuinsen)* của Nhật Bản đến thiết lập quan hệ giao thương với Đại Việt và nhiều quốc gia khác ở Đông Nam Á, thì từ khoảng hai thế kỷ trước đó, Ryukyu đã từng đóng vai trò hết sức quan trọng, góp phần vào sự phát triển kinh tế cũng như mở rộng giao lưu, hợp tác giữa các dân tộc trong khu vực.

Chú thích:

1. Josef Kreiner (Ed.): *Sources of Ryukyuan History and Culture in European Collections*, Monographien aus dem Deutschen Institut für Japanstudien der Philipp-Franz-von-Siebold-Stiftung, 1996

2. Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, Kawakita Printing Co., Ltd., Kyoto, Japan, 1969

3. Ryukyu đã trở thành một vương quốc thống nhất vào năm 1429 nhưng trong các văn bản ngoại giao tên gọi *Chuzan* vẫn được sử dụng chính thức. Bên cạnh đó, cách gọi Ryukyu (Lưu Cầu) cũng luôn được nhấn mạnh. Do vậy, trong các quốc thư luôn xuất hiện cụm từ: “*Vua Chuzan của vương quốc Ryukyu*”... Tương tự như vậy, tên gọi *An Nam* được sử dụng khá phổ biến trong các nguồn tư liệu của Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Ryukyu... khi nói đến quốc hiệu nước ta qua nhiều thời kỳ lịch sử. Trong bài viết, thuật ngữ *An Nam* được dùng ở nhiều chỗ chỉ với mục đích bảo đảm tính chân thực của nguồn tư liệu mà thôi.

4. Bản dịch của chúng tôi có tham khảo một số đoạn trong phần dịch bức quốc thư nói trên của GS. Vinh Sính. Xem Vinh Sính: *Một*

văn thư Vương quốc Lưu Cầu gửi sang Việt Nam vào đầu thế kỷ XVI, Tạp chí Xưa & Nay, Hội Sử học Việt Nam, số 134, tháng 2-2003, tr.9

5. Kin Seiki: *Mậu dịch với Đông Nam Á của vương quốc Ryukyu và gốm sứ Việt Nam phát hiện được ở Okinawa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV - XVII qua giao lưu gốm sứ*, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam & Giao lưu Văn hoá, ĐHQG HN phối hợp với Viện Nghiên cứu Văn hoá Quốc tế, ĐH Chiêu Hoà, Nhật Bản tổ chức, HN.12-1999

6. Vĩnh Sinh: *Một văn thư Vương quốc Lưu Cầu...*, TLdd, tr.11

7. A. Kobata & M.Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries...* p.119. Về sự kiện và tư liệu này, chúng tôi đã nhận được những dẫn giải sâu sắc của PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc và PGS.TSKH Nguyễn Hải Kế, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQG HN.

8. Vĩnh Sinh: *Một văn thư Vương quốc Lưu Cầu...*, TLdd, tr.11. Đại Việt sử ký chép rằng: Tháng 8 năm Hồng Đức thứ nhất (1470) quốc vương Chiêm Thành là Trà Toàn thân đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hoá. Trước tình hình đó, Lê Thánh Tông đã huy động 26 vạn tinh binh và xuống chiếu thân chinh. Đến ngày 1-3-1471 thì bắt được Trà Toàn. Và 5 năm sau, ngày 15-10-1476, nhân dịp sai sứ sang nhà Minh để chúc mừng vua Minh lập Hoàng thái tử Lê Tiến, sứ giả nhà Lê đã “tâu việc địa phương Chiêm Thành”. ĐVSKTT, Nxb. KHXH, HN.1993, T.II, tr.468. Có thể, Hoàng Minh thực lục của Trung Quốc đã ghi lại chính sự kiện này.

9. Vĩnh Sinh: *Một văn thư Vương quốc Lưu Cầu...*, TLdd, tr.10

10. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 1993, tr.50-51

11. A.Kobata & M.Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries...* p.186

12. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của vương quốc Ryukyu với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVI*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (328), 2003, tr.64

13. Goerge H. Kerr: *Okinawa - The History of an Island People*, Charles E.Tuttle Company, Tokyo, Japan, p.68

14. Theo chúng tôi, cho đến cuối thế kỷ XV, hệ thống cảng biển vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam đã giữ vai trò trọng yếu trong giao thương với các quốc gia châu Á. Có thể tham khảo thêm Momoki Shiro: *Dai Viet and the South China Sea Trade from the Xth to the XVth Century*, The Center for Southeast Asian Studies, Northern Illinois University, 1998

15. Fusaki Maehira: *The Golden Age of the Ryukyu Traders*, Pacific Friend - A Window on Japan, April 2000, Vol.27, No.12

16. Abe Yuriko: *Đồ gốm sứ và mối giao lưu Việt Nam - Nhật Bản*, Báo cáo tham gia Hội thảo khoa học Quốc tế về Đồ thị cổ Hội An từ 13-15/9/2003.

17. Kin Seiki: *Mậu dịch với Đông Nam Á của vương quốc Ryukyu và gốm sứ Việt Nam phát hiện được ở Okinawa*, TLdd. Nhân đây, tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với Ban Nghiên cứu và Biên soạn tư liệu lịch sử tỉnh Okinawa và nhà nghiên cứu Asato Shijun, đã tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho tôi đến thăm các cơ sở khoa học cũng như tiến hành điều tra điền dã tại một số di tích lịch sử ở Okinawa vào giữa tháng 2-2001

18. Phạm Hữu Công - Nguyễn Khắc Xuân Thi - Trần Thị Ngọc Lan: *Một số đồng tiền Nhật Bản tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh*, Bảo tàng LSVN - TP.HCM, Thông báo Khoa học, số 2, 2000, tr.78-80.

19. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, Sdd, tr.50

20. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, Sdd, tr.54

21. Thực ra, khi mới lên ngôi Lê Thánh Tông mặc dù là người quyết đoán nhưng ông cũng tỏ ra hết sức thận trọng trong một số vấn đề đối nội đồng thời có những biện pháp hạn chế quan hệ giao lưu với các nước thậm chí cả những nước vốn vẫn được coi là “nhỏ yếu”. Đại Việt sử ký toàn thư viết rằng vào tháng 9 năm Quang Thuận thứ 8 (1467) khi “Thuyền đi biển của nước Xiêm La đến trang Vân Đồn dâng biểu văn khắc trên lá vàng và dâng sản vật địa phương, vua khước từ không nhận”. Tiếp đó, đến tháng 10, mùa đông “Hò Lung nước Ai Lao xin quy phụ nước ta. Vua khước

từ". Nhưng, đến ngày 19 tháng 10 thì vua Lê dường như đã tiếp "Sứ thần nước Tráo Oa là bọn Na Bôi sang ra mắt". ĐVSKTT, Sđd, T.II, tr.427-428.

22. Đại Việt sử ký toàn thư, Tập III, Sđd, tr.196

23. Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Khắc Khoan đến Yên Kinh, vừa gặp tiết Vạn Thọ của vua Minh, dâng 30 bài thơ lạy mừng. Anh vũ điện đại học sĩ, thiếu bảo kiểm thái tử thái bảo Lại bộ thượng thư nhà Minh là Trương Vị đem tập thơ Vạn Thọ ấy dâng lên. Vua Minh cảm bút phê rằng: Người hiền tài ở đâu mà không có. Trẫm xem thơ, thấy hết lòng trung thành của Phùng Khắc Khoan, rất đáng khen ngợi. Liền sai đưa xuống khắc in để ban hành trong nước. Khi ấy, sứ thần Triều Tiên là Hinh tào tham phán Lý Tuý Quang viết tựa cho tập thơ", ĐVSKTT, Tập III, Sđd, tr.197. Tuy nhiên, trong bản dịch của Trần Văn Giáp về bài đề tựa tập thơ của Lý Tuý Quang lại nói Phùng Khắc Khoan đã dâng lên Minh Thần Tông Chu Bạng Nghị (Vạn Lịch: 1573-1620) 31 bài thơ nhân lễ Vạn Thọ. Xem Nguyễn Thế Long: *Chuyện đi sứ - tiếp sứ thời xưa*, Nxb. Văn hoá Thông tin, 2001, tr.223. Nhân đây, chúng tôi cũng muốn nói thêm rằng, khái niệm "Vạn Thọ" đã được nhiều nước sử dụng như một thông lệ trong quan hệ bang giao thời bấy giờ.

24. Trần Lê Sáng: *Phùng Khắc Khoan - Cuộc đời và thơ văn*, Nxb Hà Nội, 1985, tr.128

25. Phần phiên âm và dịch nghĩa bài thơ chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ hết sức nhiệt tình của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Oanh, Viện Nghiên cứu Hán - Nôm. Theo tác giả thì cả ba dị bản của bài thơ hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm với ký hiệu số: A 2011, VHv 2155 và VHv 2156 đều có chữ "Đại" trên phần đầu đề. Theo chúng tôi, đó có thể là tên chữ đầu của vị chánh sứ Lưu Cầu. Bên cạnh đó, chữ "dân duyên" mà Phùng Khắc Khoan dùng trong bài thơ cũng có nghĩa là để chỉ việc có duyên cùng làm quan của hai vị chánh sứ. Xin tham khảo phần dịch thơ của nhà nghiên cứu Hán Nôm, PGS.Trần Lê Sáng:

Tiền sứ giả nước Lưu Cầu

Hai nước chung một mặt trời

Nam đông biển lớn cũng thời liền nhau

Núi sông tuy nói khác màu

Văn hoá sinh hoạt suy lâu cùng đồng

Gặp đây muôn dặm cảm thông

Lý khí như một tình trong hẹn hò

Ngày về hữu nghị thơm tho

Gió mang hoà khí đến cho muôn nhà

(Trần Lê Sáng: *Phùng Khắc Khoan - cuộc đời và thơ văn*, Sđd, tr. 234)

26. Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Khoa học xã hội, HN. 1977, tr.223. Bài thơ của sứ giả Lưu Cầu mà Lê Hữu Kiều đã xem, được Lê Quý Đôn ghi lại như sau:

Phân minh tạc dạ tại gia hương

Triệu nhập vọng môn tứ tiểu tương

Hiếu giốc hốt kinh nhân hảo mộng

Tĩnh lai tàn nguyệt chiếu đồng sương

Dịch thơ:

Rõ ràng đêm trước ở quê nhà

Triệu đến cung đình dự tiệc hoa

Còi sớm giạt mình tan giấc mộng

Mái đông tình giấc ánh trăng tà

(*Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Diễm dịch và chú giải, Sđd, tr.223)

27. Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*, Sđd, tr.223. Có lẽ những người mà Lê Quý Đôn gặp ở Yên Kinh là những lưu học sinh của triều đình Lưu Cầu cử sang theo chế độ *kansho*. Chế độ này được thực hiện từ năm 1392 đến 1868. Trong thời gian đó nhiều con em các gia đình quý tộc và trí thức Hoa kiều đã được gửi sang Trung Quốc lưu học. Họ được chính quyền Minh, Thanh bảo trợ và tạo điều kiện cho học tập tại những cơ sở đào tạo nổi tiếng nhất. Xem Mitsugu Matsuda: *The Ryukyuan Government Scholarship Students to China 1392-1868*, Monumenta Nipponica, XXI, No.3-4, 1966

28. Theo các nhà nghiên cứu Nhật Bản, những người mang họ Nguyễn hiện nay sinh sống ở tỉnh Okinawa gồm nhiều nguồn gốc khác nhau. Các chuyên gia Nhật Bản đã xác định được các dòng họ Nguyễn di cư từ Trung Quốc và Indonesia tới. Khả năng có một dòng họ Nguyễn gốc Việt di trú ở Lưu Cầu vẫn là vấn đề cần tiếp tục tìm hiểu. Về những thông tin quý báu này chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những chỉ dẫn của GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
